

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1699^q/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 22 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (bổ sung)
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 09/04/2021 về việc trích từ nguồn tiền ký quỹ của người lao động trên địa bàn bỏ trốn khỏi nơi làm việc Hàn Quốc đã nộp vào NSNN, thuộc ngân sách tỉnh năm 2021 để cấp kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc phân bổ kinh phí chương trình giảm nghèo và giải quyết việc làm, thuộc ngân sách tỉnh năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (bổ sung) của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Tổ chức chuyên môn, đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT;
- Lưu : VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Chương: 424

(Biểu số 2-ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC
 ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày /4/2021 của
 Sở Lao động - TB&XH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>	-	-
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>		-
II.1	<u>Kinh phí địa phương</u>	<u>1.600.000</u>	-
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	<u>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</u>		
-	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL		
-	Quỹ lương và chi thường xuyên theo định mức		
-	Chi mua sắm sửa chữa ngoài định mức, Trang phục thanh tra		
1.2	<u>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</u>	<u>500.000</u>	(KP từ nguồn ký quỹ)
2	Chi đảm bảo xã hội	1.100.000	KP giảm nghèo, GQVL, Dạy nghề
2.1	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>		
2.2	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</u>	<u>1.100.000</u>	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
..11	<u>Chi chương trình mục tiêu</u>		
II.2	<u>Kinh phí trung ương ủy quyền</u>		